

Bản án số: 12/2022/HSST

Ngày: 25 – 02 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M – TP HÀ NỘI

T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đại Đồng**

Ông **Lê Mạnh Nhanh.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thùy Linh** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện M.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Hòa** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 83/2022/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HS ngày 13/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/HSST-QĐ ngày 26/01/2022 đối với bị cáo:

Trịnh Tất T - Sinh năm: 2002 sinh tại: Xã H, huyện M, TP Hà Nội; Nơi cư trú: Xóm 9, thôn M, xã H, huyện M, TP Hà Nội; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12; Con ông: Trịnh Văn H1 (Đã chết), con bà: Nguyễn Thị N1; Vợ, con: Chưa có; TATS: Theo danh chỉ bản số 310 ngày 28/10/2021 của Công an huyện M lập và lý lịch địa phương cung cấp bị cáo không có tiền án, tiền sự.

- Nhân thân: Ngày 21/3/2019 Công an quận D xử phạt hành chính theo QĐ số 233927 phạt tiền 750.000đ về hành vi: *Trộm cắp tài sản*. Đã chấp hành xong . Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:**

Ông Nguyễn Ngọc Cường – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước T phố Hà Nội. Có mặt.

- **Người bị hại:**

Anh Bùi Văn V, sinh năm 2001.

Trú tại: Đội 7, thôn T, xã H1, huyện M, T phố Hà Nội. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Bùi Xuân T1, sinh năm 1972.

Trú tại: Đội 7, thôn T, xã H1, huyện M, TP Hà Nội. Vắng mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1971.

Trú tại: Thôn M, xã H, huyện M, TP Hà Nội. Có mặt.

+ Anh **Lê Minh H**, sinh năm 2003.

Trú tại: Thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2021, Trịnh Tất T sinh ngày 12/4/2002, trú tại: thôn M, xã H, huyện M, TP Hà Nội làm việc tại tiệm cầm đồ của ông Bùi Xuân N sinh năm 1975, trú tại: Số 700, đường L, phường L, quận D, TP. Hà Nội. Đến cuối tháng 5 năm 2021, T tự lấy 01 chiếc xe máy YAMAHA EXCITER màu xanh đen, BKS 19H1-240.15 do khách cầm cố tại quán của ông N để làm phương tiện đi lại và bỏ về nhà tại xã H, huyện M, TP Hà Nội. Ngày hôm sau không thấy T đến quán làm, ông N gọi điện T1 cho T thì T nói với ông N cho mượn xe để đi giải quyết việc, ông N nói “Cháu đi đâu thì đi nH1 phải mang xe về trả khách”, T trả lời “Vâng”, sau đó T tắt máy và chặn liên lạc của ông N với mục đích không cho ông N thông tin liên lạc được với T. Sau đó T điều khiển chiếc xe máy BKS: 19H1-240.15 đến nhà trọ của Lê Minh H sinh năm 2003, HKTT: thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam đang ở trọ tại khu C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam để xin ở trọ để đi làm ở đó. Ngày 13/6/2021, ông N xin được số điện T1 và gọi điện cho bà Nguyễn Thị N1 sinh năm 1971, trú tại: thôn M, xã H, huyện M, TP Hà Nội là mẹ của T, ông N nói với bà N1 về việc T lấy xe máy của ông và yêu cầu T mang trả xe máy, không ông sẽ báo Công an. Đến ngày 19/6/2021, bà N1 cùng Trịnh Xuân T2, sinh năm 2005 (em trai của T) đến nhà ông N để giải quyết việc T mượn xe của ông N không trả. Tại đây bà N1 hứa sẽ tìm xe trả cho ông N, nếu không gia đình sẽ lấy tiền trả cho ông. Đến 15 giờ cùng ngày, T2 liên lạc được với T, T nói đã cầm chiếc xe máy mượn của ông N và yêu cầu gia đình mang số tiền 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng) đến khu vực Đồng Văn, tỉnh Hà Nam để T đi chuộc xe về trả. Khoảng 17 giờ ngày 20/6/2021, T2 cùng với Phạm Văn H sinh năm 2003, trú tại: thôn M, xã H, huyện M, TP Hà Nội; Kiều Trung T sinh năm 2005, trú tại: thôn Tiêu Mai, xã H, huyện M, TP Hà Nội; Nguyễn Văn Kiên sinh năm 2005, trú tại: thôn M, xã H, huyện M, TP Hà Nội; Nguyễn Đình Đạt sinh năm 2005, trú tại: thôn Đốc Tín, xã Đốc Tín, huyện M, TP Hà Nội đến điểm hẹn tại khu công nghiệp Đồng Văn 4 thuộc xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam để đưa tiền cho T và lấy chiếc xe Exciter BKS: 19H1-240.15 mang về trả cho ông N. Đến nơi T điều khiển chiếc xe Exciter BKS: 19H1-240.15 của ông N đi đến gặp T2 để lấy tiền. Khi T và T2 đang nói chuyện thì những người đi cùng T2 đi từ phía đường đối diện đi đến, T thấy nhiều người bạn của T2, sợ T2 gọi bạn đến đánh nên T chưa kịp lấy tiền mà bỏ chạy để lại chiếc xe máy Exciter BKS: 19H1-240.15. T2 đi chiếc xe máy exciter BKS: 19H1-240.15 về nhà. Sau khi bỏ chạy, đến khoảng 19 giờ cùng ngày T ngồi uống nước tại quán nước ở khu công nghiệp Đồng Văn 4 và nhớ đến việc buổi trưa cùng ngày, Bùi Văn V sinh năm 2001, trú tại: Đội 7, thôn T, xã H1, huyện M, TP Hà Nội) nói với T, V vừa mua 01 chiếc xe máy YAMAHA EXCITER và V nhắn tin mời T đến tối về đi chơi. T nảy sinh ý định lấy chiếc xe máy của V để đi lại, nên T gọi điện T1 cho V đến đón T tại khu công nghiệp Đồng Văn 4. V nghe máy và đồng ý đi đón T. Theo lịch hẹn, V điều khiển chiếc xe máy mới mua đi đón T. Khi T điều khiển về máy về đến đầu xóm 9, thôn M, xã H, huyện M, TP Hà Nội, lỏi vào nhà T. T nói với V xuống xe đứng ở đầu xóm đợi để T đi về lấy ít đồ, V đồng ý xuống xe đứng đợi. T điều khiển xe máy của V đi về nhà, rồi tắt máy, dựng xe máy ngoài cổng, T đi vào trong nhà thì gặp ông Trịnh Văn H1, bà Nguyễn Thị N1 và Trịnh Xuân T2 (là bố, mẹ và em trai T) và mấy người bạn của T2

lúc trước đang chuẩn bị ăn cơm. T nói với T2 ra mở cốp xe máy BKS 19H1-240.15 mà T2 vừa mang về để T giấy tờ. Lấy được chứng minh thư nhân dân, T đi bộ ra khỏi động xe rồi điều khiển xe quay lại chỗ V, khi gặp V, T nói với V đứng đợi T một lúc để T đi đón mẹ T bên bà ngoại với mục đích lừa V, sau đó T điều khiển xe máy đi thẳng đến nhà trọ của T đang ở. Khoảng 5 phút sau không thấy T quay lại, V gọi điện cho T thì T nói “Chờ một tí”, sau đó T tắt máy điện T1 để V và gia đình không liên lạc được với T. Cùng ngày, gia đình V đã đến gia đình T để nói chuyện và yêu cầu gia đình bảo T mang xe máy về trả cho V. Ngày 21/6/2021, Nguyễn Thị Huyền Trang, sinh năm 1999 (chị gái T) liên lạc được với T qua tin nhắn zalo trao đổi với T mang xe về trả cho V không gia đình V sẽ báo Công an, T nói dối chiếc xe máy đã cầm cố và yêu cầu bố mẹ gửi cho T số tiền 10 triệu đồng qua số tài khoản 060420038386 của ngân hàng MBbank của H đứng tên để T chuộc xe máy của V mang về trả. Ngày 24/6/2021, T2 cùng bà N1 đã chuyển số tiền 10 triệu đồng cho T qua số tài khoản của H, sau khi nhận được tiền N1 T cũng không mang xe máy về trả mà tiếp tục chặn facebook, zalo, điện T1 không cho gia đình liên lạc với mình. Ngày 10/7/2021, ông Bùi Xuân T1 sinh năm 1972 (là bố của V) đi đến xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam tìm T, thì ông T1 gặp được T khi T đang sử dụng chiếc xe máy của V, ông T1 yêu cầu T đến Công an xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam, đồng thời báo tin Công an huyện M, TP Hà Nội đến tiếp nhận đưa T và xe máy về giải quyết. Trong quá trình T lấy xe máy của V sử dụng đi lại thì bị ngã xe làm hư hỏng một số bộ phận của xe.

Ngày 21/6/2021 ông Bùi Xuân N đã đến nhà bà Nguyễn Thị N1 nhận lại chiếc xe máy chiếc xe máy BKS: 19H1-240.15.

Ngày 02/7/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện M ra Yêu cầu định giá tài sản số 35 yêu cầu định giá xe mô tô không biển kiểm soát (do chưa đăng ký), nhãn hiệu: YAMAHA; số loại EXCITER_2DNC; số khung: 335842; số máy: 11006881.

Ngày 08/7/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M, TP Hà Nội ra Kết luận định giá tài sản số 36 kết luận:

- 01 xe mô tô không biển kiểm soát (do chưa đăng ký), nhãn hiệu: YAMAHA; số loại EXCITER_2DNC; số khung: 335842; số máy: 11006881 có giá trị là 44.640.000 đồng (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

Ngày 14/7/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện M ra Yêu cầu định giá tài sản số 39 yêu cầu định giá các bộ phận bị hỏng của chiếc xe mô tô không biển kiểm soát (do chưa đăng ký), nhãn hiệu: YAMAHA; số loại EXCITER_2DNC; số khung: 335842; số máy: 11006881.

Ngày 19/7/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M, TP Hà Nội ra Kết luận định giá tài sản số 39 kết luận :

- Cù tay phanh bên trái phía trước bị xước kim loại.
 - Cù tay điều khiển bên trái phía trước bị trượt xước nhựa.
 - Miếng chắn bùn phía trước bánh xe trước của xe bị xây xước.
 - Ốp nhựa bảo vệ bị xây xước.
 - Ốp nhựa bảo vệ đầu lỗ ống xả bị bong chóc sơn.
 - Mặt lắn bánh xe phía sau tại vị trí đối diện chân van bơm bánh xe bị thủng
- Tổng tài sản cần định giá bị hỏng là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trịnh Tất T đã khai nhận toàn bộ hành vi theo đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Cáo trạng số: 75/CT-VKS ngày 29/11/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố Trần Văn Sơn về tội: Lừa đảo tài sản theo điểm b khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo Trịnh Tất T đã đủ yếu tố cấu T tội: Lừa đảo tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 174; Điều 38 xử phạt:

- Trịnh Tất T từ **15** đến **18** tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô không biển kiểm soát (do chưa đăng ký), nhãn hiệu: YAMAHA; số loại EXCITER_2DNC; số khung: 335842; số máy: 11006881, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu chiếc xe là Bùi Văn V, V cung cấp toàn bộ giấy tờ mua xe của cửa hàng Công ty TNHH kinh doanh xe máy Anh Duy, địa chỉ số 21 Lê Lợi, TT Vân Đình, huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội, ghi ngày 20/6/2021. Ngày 21/7/2021, cơ quan CSĐT Công an huyện M đã trả cho Bùi Văn V.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Bùi Văn V không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Trịnh Tất T phát biểu và đề nghị: Nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và mức hình phạt áp dụng với bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ sau cho bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo rất T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn thuộc hộ cận nghèo của địa phương; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc T2 hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị.

Nói lời sau cùng, bị cáo nhận thấy việc làm của bản thân là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét mở lượng khoan hồng cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo và xuất trình các tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không có KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét lời nhận tội của bị cáo Trịnh Tất T tại phiên toà phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng lòng tin của anh Bùi Văn V, Trịnh Tất T đã dùng thủ đoạn gian dối để anh V cho T mượn xe đi chở mẹ, bị cáo đã chiếm đoạt 01 chiếc xe máy Yamaha Exceter không biển kiểm soát của anh V trị giá 44.640.000đ. Hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu T tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình NH1 cố ý vi phạm. Việc phạm tội của bị cáo do bản thân thực hiện, không có đồng phạm hoặc bị rủ rê, lôi kéo.

[4] Vụ án xảy ra mang tính chất ít nghiêm trọng, song đã gây sự hoang mang, lo lắng trong nhân dân về việc lợi dụng lòng tin của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản. Do vậy, phải áp dụng hình phạt tương xứng đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo trong vụ án này Hội đồng xét xử thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải ; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn thuộc hộ cận nghèo của địa phương nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng, tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu. Năm 2019 bị cáo bị công an quận D, T phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong. Mặc dù đã được cơ quan có thẩm quyền giáo dục, xử lý song bị cáo không coi đây là bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội. Xét thấy cần phải xử lý thật nghiêm khắc và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới cải tạo bị cáo T công dân tốt.

[6] **Về hình phạt bổ sung:** Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập có mức độ không có điều kiện để thi hành nên không áp dụng.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe máy Yamaha Exciter không biển kiểm soát qua xác minh nguồn gốc xe là của anh Bùi Văn V, anh V cung cấp toàn bộ giấy tờ mua xe của cửa hàng Công ty TNHH kinh doanh xe máy Anh Duy, địa chỉ số 21 Lê Lợi, TT Vân Đình, huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội, ghi ngày 20/6/2021. Ngày 21/7/2021, cơ quan CSĐT Công an huyện M đã trả lại chiếc xe trên cho anh V là đúng quy định pháp luật.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Anh Bùi Văn V không yêu cầu gì bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 10.000.000đ Trịnh Tất T yêu cầu gia đình T chuyển để T đi chuộc chiếc xe máy của V mang về trả cho V. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N1 (mẹ đẻ T) trình bày: Bà biết T hư hỏng, chơi bời. Trước khi phạm

tội T có vay mượn bạn bè, người thân tiền để tiêu xài cá nhân. Do có nhiều người đòi tiền, bà và gia đình bỏ mặc yêu cầu T tự xử lý nên T nói đã cầm xe của V, bà chuyển tiền cho T để T trả nợ, bà biết T không cầm xe của anh V. Số tiền này là tiền của vợ chồng bà (ông H1 đã mất) cho T và không có yêu cầu gì. Xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Liên quan đến vụ án có Lê Minh H là người cho T mượn số tài khoản ngân hàng do H đứng tên để gia đình T chuyển số tiền 10 triệu đồng, sau đó cùng T đi rút số tiền trên để đưa cho T. H không biết việc T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy của V và không biết việc T trao đổi với gia đình T liên quan đến số tiền 10 triệu đồng, nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi của Trịnh Tất T tự ý lấy chiếc xe BKS: 19H1-240.15 của anh Bùi Xuân N, sinh năm 1975, ở địa chỉ: Số 700, đường L, phường L, quận D, TP Hà Nội có dấu hiệu của hành vi “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 23/11/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện M, TP Hà Nội có công văn số 670/CV-CSĐT gửi đến Cơ quan CSĐT - Công an quận D, TP Hà Nội để tiếp nhận điều tra xử lý theo thẩm quyền là phù hợp.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và những người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 174; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Tất T phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

- Xử phạt: Trịnh Tất T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

- Xác nhận anh Bùi Văn V đã nhận chiếc xe mô tô Yamaha Exciter không biển kiểm soát, số khung: 335842; số máy: 11006881.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 bộ luật Tố tụng Hình sự và Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 375.000đ án phí dân sự.

4 . Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 bộ luật Tố tụng Hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND TP HN;
- Công an huyện M;
- Viện kiểm sát ND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;
- Người tham gia tố tụng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Thu Hương